| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THANH HÓA**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số : **305**/2022/QĐST- HNGĐ | *TP. Thanh Hóa, ngày 30 tháng 9 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 378/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

**1.** Anh Lang Văn N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã HĐ, th□nh ph□ TH, t□nh TH

***2.*** Chị Lê Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: SN …, xóm …, xã HT, huyện HH, tỉnh TH

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*[1] Về hôn nhân:* Anh Lang Văn N và chị Lê Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoằng Đại, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/3/2019. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận một thời gian ngắn khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống mặt khác vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung; Vợ chồng không chia sẻ được với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng cũng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để chung sống nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân.

Nay anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

*Xét thấy:* Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, anh chị thực sự tự nguyện ly hôn, việc thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 55 - Luật HN&GĐ nên Tòa án chấp nhận.

*[2] Về con chung:* Anh Lang Văn N và chị Lê Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[3] Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản:* Anh Lang Văn N và chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

*[4] Về lệ phí:* Anh Lang Văn N và chị Lê Thị N thỏa thuận: Chị N chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Thỏa thuận của anh chị phù với hợp quy định tại Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

***1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lang Văn N và chị Lê Thị N
- Về con chung: Lang Văn N và chị Lê Thị N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh Lang Văn N và chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.*** *Về lệ phí:* Công nhận thỏa thuận của anh N và chị Nụ như sau: Chị Lê Thị N chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000đ. Anh N không phải chịu lệ phí. Tiền lệ phí chị N phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2021/0002242 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND xã Hoằng Đại, TP.Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

***Đã ký***

**Nguyễn Thị Nga**